

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRIỆU ANH CHU'

**CÔNG CUỘC XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO  
Ở HUYỆN PÁC NẠM, TỈNH BẮC KẠN (2003-2012)**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NHÂN VĂN**

Thái Nguyên, năm 2014

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**TRIỆU ANH CHU'**

**CÔNG CUỘC XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO  
Ở HUYỆN PÁC NẠM, TỈNH BẮC KẠN (2003-2012)**

**Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam**

**Mã ngành: 60220313**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NHÂN VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Đào Tố Uyên**

**Thái Nguyên, năm 2014**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong luận văn là trung thực, chưa từng được công bố ở bất cứ công trình khoa học nào.

*Thái Nguyên, tháng 10 năm 2014*

**Tác giả luận văn**

**Triệu Anh Chư**

**XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG KHOA CHUYÊN MÔN**

**PGS.TS. Hà Thị Thu Thủy**

## LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo hướng dẫn khoa học PGS.TS Đào Tố Uyên cùng các thầy cô trong tổ Lịch sử Việt Nam - khoa Lịch sử trường Đại học sư phạm Thái Nguyên đã hướng dẫn, chỉ bảo tận tình, động viên khích lệ tác giả trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Trong thời gian đi thực tế luận văn tại các địa phương, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ của huyện ủy, UBND huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Tài nguyên môi trường, phòng Lao động thương binh và xã hội, Chi cục Thống kê... và cán bộ, đồng bào huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Tác giả xin cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

Tác giả xin chân thành cảm ơn sự động viên, khích lệ của gia đình, bạn bè đã giúp đỡ trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn!

*Thái Nguyên, tháng 10 năm 2014*

Tác giả luận văn

**Triệu Anh Chư**

# MỤC LỤC

	Trang
Trang phụ bìa	
Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn .....	ii
Mục lục.....	iii
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt .....	iv
Danh mục các bản, biểu đồ.....	v
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề .....	3
3. Mục đích, đối tượng, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu .....	4
4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu:.....	5
5. Đóng góp của đề tài.....	5
6. Bố cục của luận văn .....	6
<b>Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN.....</b>	<b>7</b>
1.1. Lịch sử hành chính .....	7
1.2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên .....	9
1.2.1. Vị trí địa lý, địa hình .....	9
1.2.2. Khí hậu – thủy văn .....	10
1.2.3. Tài nguyên đất.....	10
1.2.4. Tài nguyên nước.....	12
1.2.5. Tài nguyên rừng .....	13
1.2.6. Tài nguyên khoáng sản.....	13
1.3. Điều kiện kinh tế .....	14
1.4. Điều kiện xã hội .....	17
1.4.1. Dân cư .....	17
1.4.2. Văn hóa, giáo dục, y tế.....	18
1.4.3. Dân tộc, phong tục tập quán.....	21
<b>Chương 2. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG CUỘC XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN (2003-2012) ..</b>	<b>23</b>
2.1. Khái niệm đói nghèo .....	23

2.2. Khái niệm xóa đói giảm nghèo .....	27
2.3. Chuẩn mực đánh giá đói nghèo.....	29
2.4. Nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến đói nghèo .....	31
2.4.1. Nguyên nhân .....	31
2.5. Chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam về xóa đói giảm nghèo .....	35
2.6. Chủ trương XDGN của tỉnh Bắc Kạn .....	39
2.7. Việc triển khai các chương trình XDGN ở Pác Nặm, Bắc Kạn 2003-2012 .	40
2.8. Hệ thống tổ chức và cán bộ thực hiện XDGN .....	45
2.9. Kế hoạch thực hiện chương trình XDGN của huyện giai đoạn 2010-2020 .....	51
2.9.1. Mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế của huyện Pác Nặm.....	51
2.9.2. Dự kiến kết quả thực hiện chương trình 30a đến năm 2020.....	56
<b>Chương 3. TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG CUỘC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO ĐỐI VỚI KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA HUYỆN PÁC NẶM.....</b>	<b>58</b>
3.1. Trên lĩnh vực kinh tế .....	58
3.1.1. Trong lĩnh vực nông-lâm nghiệp.....	58
3.1.2. Lĩnh vực công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và xây dựng .....	66
3.1.3. Lĩnh vực thương mại-dịch vụ, du lịch.....	67
3.1.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng.....	68
3.2. Trên lĩnh vực xã hội .....	71
3.3. Những hạn chế trong công cuộc XDGN .....	74
3.4. Vấn đề đặt ra cho việc thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo của huyện giai đoạn 2010-2020 .....	76
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>82</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>84</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết là	Đọc là
BQ	Bình quân
BCĐ	Ban chỉ đạo
CSXH	Chính sách xã hội
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa-Hiện đại hóa
ĐVT	Đơn vị tính
GTSX	Giá trị sản xuất
KH	Kế hoạch
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
KTXH	Kinh tế xã hội
LĐ	Lao động
LĐ-TB&XH	Lao động-Thương binh và xã hội
Nxb	Nhà xuất bản
PTNT	Phát triển nông thôn
QĐ	Quyết định
SNKT	Sự nghiệp kinh tế
TH	Thực hiện
TNMT	Tài nguyên môi trường
TTCN-XD	Thủ công nghiệp-xây dựng
TM-DV	Thương mại-dịch vụ
TT	Thứ tự
Tr.đồng	Triệu đồng
UBND	Ủy ban nhân dân
UBMTTQ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
XĐGN	Xóa đói giảm nghèo
XDCB	Xây dựng cơ bản
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

## DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

*Trang*

Bảng 1.1 Diện tích các loại đất của huyện Pác Nặm từ năm 2007-2009.....	11
Bảng 1.2 Giá trị sản xuất các ngành của huyện giai đoạn 2007-2009.....	16
Bảng 1.3 Tình hình dân số và lao động của huyện năm 2008-2009.....	17
Bảng 1.4 Hệ thống cơ sở hạ tầng y tế của huyện Pác Nặm năm 2009 .....	19
Bảng 2.1 Chuẩn đói nghèo của Việt Nam qua các giai đoạn.....	26
Bảng 2.2 Mục tiêu giảm nghèo đến năm 2020 của huyện Pác Nặm .....	57
Bảng 3.1 Năng suất, diện tích, sản lượng một số cây trồng năm 2009.....	58
Bảng 3.2 Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây lương thực và cây công nghiệp huyện Pác Nặm năm 2012 .....	59
Bảng 3.3 Tình hình thực hiện kế hoạch đàn gia súc gia cầm của huyện Pác Nặm giai đoạn 2011-2012 .....	60
Bảng 3.4 Kết quả ngành sản xuất thủy sản của huyện Pác Nặm giai đoạn 2007-2009	61
Bảng 3.5 Sản phẩm lâm nghiệp của huyện Pác Nặm giai đoạn 2007-2009 .....	65
Bảng 3.6 Giá trị sản xuất công nghiệp của huyện Pác Nặm theo giá hiện hành 2007-2009 .....	66
Bảng 3.8 Kết quả một số chương trình giảm nghèo tại huyện Pác Nặm giai đoạn 2006-2008 .....	70
Bảng 3.9 Tình hình đói nghèo của huyện sau 2 năm thực hiện chương trình 30a ..	72
Bảng 3.10 Tình hình lao động và việc làm của huyện Pác Nặm sau 2 năm thực hiện chương trình 30a.....	73
Bảng 3.11 Tình hình giáo dục và y tế của huyện Pác Nặm giai đoạn 2008-2010...	74



# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Đói nghèo là một trong những vấn đề xã hội mang tính toàn cầu mà cả thế giới quan tâm. Hiện nay, trên thế giới có khoảng 1,3 tỷ người đang sống trong cảnh đói nghèo ngay cả các nước lớn như Mỹ, Nhật, Ấn Độ... Trong khi xã hội đang ngày càng phát triển đi lên, với xu thế hợp tác và toàn cầu hóa như hiện nay thì vấn đề XĐGN đã trở thành mối quan tâm của cả cộng đồng quốc tế. Việt Nam là một nước có thu nhập thấp, do đó chương trình mục tiêu quốc gia XĐGN là một chiến lược lâu dài cần được sự quan tâm giúp đỡ của cộng đồng quốc tế kết hợp chặt chẽ với tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết của cả dân tộc để đẩy lùi đói nghèo tiến kịp trình độ phát triển kinh tế của các nước tiên tiến.

Ở Việt Nam, xét về trình độ phát triển kinh tế, nước ta vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu với hơn 70% dân số sống ở nông thôn. Lực lượng lao động chủ yếu vẫn là nông dân và canh tác nông nghiệp vẫn là hoạt động đặc trưng phổ biến của nền kinh tế. Do đó, số hộ nghèo và tình trạng nghèo đói ở nước ta chủ yếu vẫn là ở nông thôn. Khi nền kinh tế thị trường càng phát triển, sự phân hóa giàu-nghèo ngày càng mạnh mẽ. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước coi việc XĐGN là một chủ trương lớn nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu nhập khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Sau hơn 20 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh đã tạo ra nhiều việc làm cho người nghèo; nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế được hướng vào mục tiêu XĐGN, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được triển khai đồng bộ với mục tiêu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, vay vốn sản xuất, dạy nghề, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, tỷ lệ đói nghèo ở Việt Nam giảm từ mức gần 58% dân số vào năm 1993 xuống còn 14,8% vào năm 2007. Thành tựu của XĐGN đã góp phần tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội. Để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 Việt

Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, thì phát triển nông nghiệp-nông thôn là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, trong đó nhất thiết phải thực hiện công tác XDGN, nhất là đối với khu vực nông thôn, miền núi.

Trong thời kỳ Việt Nam đang thực hiện công cuộc CNH-HĐH, phát triển kinh tế thị trường như hiện nay, vấn đề XDGN càng trở nên cấp thiết. Muốn đạt được hiệu quả thiết thực nhằm giảm nhanh tỉ lệ đói nghèo, nâng cao mức sống cho người dân thì mỗi địa phương, mỗi vùng phải có chương trình XDGN riêng phù hợp với điều kiện KTXH của mình nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Vì vậy cần phải thanh toán tình trạng đói nghèo, lạc hậu bởi đó là một trong những nguyên nhân cản trở đến sự phát triển của đất nước, của toàn cầu. Nhận thức rõ điều đó Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều chương trình mang tính Quốc gia và phát động phong trào “Xóa đói, giảm nghèo” trong cả nước đã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện, trong đó có huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Pác Nặm là một huyện miền núi mới được thành lập trên cơ sở tách từ huyện Ba Bể cũ năm 2003 của tỉnh Bắc Kạn, là một trong 62 huyện nghèo nhất cả nước, có diện tích tự nhiên 47.364 ha với 10 đơn vị hành chính, dân số xấp xỉ 3 vạn người. Là một huyện mới thành lập nên cơ sở vật chất vẫn còn lạc hậu và thiếu thốn, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Trong những năm qua, với tinh thần quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện cùng với sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng và Nhà nước, công tác XDGN của huyện Pác Nặm cơ bản đã đạt được mục tiêu của Chính phủ, Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh và huyện đề ra. Hạ tầng cơ sở cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Bộ mặt các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đang từng ngày đổi thay. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung của tỉnh và cả nước, tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn rất cao. Do đó, trong thời gian tới, công tác XDGN vẫn là nhiệm vụ trọng tâm trong mục tiêu phát triển KTXH của địa phương.